

Số: 20/2025/QĐST-HNGĐ

Đàm Dơi, ngày 03 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Tiêu Đình T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp Th T, xã Th T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

2. Chị Trần Thị Mộng Cầm, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp Th T, xã T T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh T và chị C tự nguyện kết hôn vào năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã thị trấn T B, huyện A B, tỉnh K G. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được nên anh chị yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn của anh, chị.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên được công nhận.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 26/5/2012. Khi ly hôn, anh chị thoả thuận giao cháu Hạo N cho chị C nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Xét thấy việc thoả thuận nuôi con của anh, chị là phù hợp, không trái quy định pháp luật nên được công nhận.

[3] Về tài sản chung và về nợ người khác, người khác nợ lại: Anh T và chị C xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[4] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh T và chị C mỗi người phải chịu 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Tiêu Đình T và chị Trần Thị Mộng C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao Trần Hạo N, sinh ngày 26/5/2012 cho chị Trần Thị Mộng C nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh Tiêu Đình Thái không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và về các vấn đề khác: Anh Tiêu Đình T và chị Trần Thị Mộng C xác định không có nên không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Tiêu Đình T và chị Trần Thị Mộng C mỗi người phải chịu là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được đối trừ số tiền 150.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002523 và số tiền 150.000 đồng chị C đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002524 cùng ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D, anh T và chị C đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D;
- UBND thị trấn Thứ Ba;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hồ Ngọc Yến